

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						315 932	105 966	214 952			
I		CẢNG CHÍNH						40 770	4 029	36 742			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						4 090	4 029	61			
1		ĐẠM NINH BÌNH	31/05	894/05	18/05	NB 8955	CẨM 4A.1	3 045	3 004	41	19/05		
2		KDT HÀ BẮC	19/05	901/05	31/05	BN 1498	BÙN 3B	1 045	1 026	19	19/05	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						36 680		36 681			
1		KDT BẮC THÁI	29/04	572/04	30/04	HD 2095	CẨM 1	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
2		KDT BẮC THÁI	29/04	573/04	30/04	BN 2022	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		KDT BẮC THÁI	29/04	574/03	30/04	BN 1958	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		CROMIT THANH HOÁ	30/04	614/04	29/04	BN 2565	BÙN 3A	1 958		1 958		TD	GIA HẠN L1
5		CROMIT THANH HOÁ	30/04	615/04	29/04	BN 2395	BÙN 3B	1 969		1 969		TD	GIA HẠN L1
6		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
7		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
8		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
9		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
10		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	827/05	21/05	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 050		1 050		TD	
11		ĐT TMDV VINACOMIN	06/05	832/05	21/05	BN 2122	CẨM 4B.1	2 000		2 000		TD	
12		THAN SÔNG HỒNG	06/05	834/05	21/05	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
13		VTT VINACOMIN	07/05	838/05	22/05	BN 1336	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020		TD	THAY TBGT SỐ 808/05 NGÀY 02/05/2025
14		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
16		ĐIỆN NGHI SƠN	10/05	857/05		TRƯỜNG SA 126	CẨM 5A.10	5 250		5 250			
17		ĐẠM HÀ BẮC	13/05	872/05	28/05	1TD 51	CẨM 4A.1	2 362		2 363			
18		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CẨM 4A.1	3 005		3 005			
19		THAN ƯƠNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
20		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
21		KDT BẮC THÁI	15/05	885/05	31/05	BN 1368	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
22		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CẨM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
23		KDT HÀ BẮC	19/05	896/05	31/05	BN 1136	BÙN 3B	1 350		1 350		TD	
24		VTT VINACOMIN	19/05	897/05	31/05	BN 2625	BÙN 3B	800		800		TD	THAY TBGT SỐ 799/4 NGÀY 06/05/2025
		Tàu chuyển tải						185 900	79 966	110 919			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						117 600	79 966	42 619			
1		ĐIỆN VŨNG ĂNG 1	10/05	858/05		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 5A.10	23 300	23 219	81	20/05		KVDB:4.300 - CLM:19.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 05 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI 1	10/05	854/05		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 5B.14	25 500	25 375	125	19/5		TTHG: 6.456,13 - KDT CP:18.919,22
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	12/05	865/05		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000	26 387	19 613	ĐỖ		TTCO: 10.000 - TTHG:36.000
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG 1	12/05	870/05		QUANG VINH 188	CẨM 5A.14	22 800	4 985	22 800	ĐỖ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						68 300		68 300			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/05	898/05		PACIFIC 01	CẨM 6A.1	27 600		27 600			TTHG:20.000 - KVCP:7.600
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/05	899/05		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.14	40 700		40 700			TTCO: 25.000 - CLM:5.000 - CP KDT:5.000 - KVCP:5.000
II		KHO G9-HÓA CHẤT						56 812	3 842	52 970			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						4 063	3 842	221			
1		COALIMEX	17/5	863	31/5	BN - 2228	CỤC 1B	1 000	796	204	19/5	TD	
2		MIỀN BẮC	19/5	950	31/5	BN - 2699	CẨM 7B	1 963	1 950	13	19/5	PTCB	
3		HẢI PHÒNG	18/5	901	31/5	HP - 4845	CẨM 7B	1 100	1 096	4	19/5	PTCB	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						52 749		52 749			
1		CP DVVT QNINH	01/5	1482/4	15/5	BN - 2699	CỤC 8C	1 700		1 700		TD	
2		CP VT&KD THAN	29/4	1 493	30/4	BN- 1879	CỤC 8C	1 050		1 050		TD	
3		CP ĐTTM&DV	29/4	1 499	30/4	BN - 1468	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
4		COALIMEX	10/5	1511/4	25/5	HD - 2528	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
5		SX&TM THAN ƯƠNG BÍ	29/4	1 516	30/4	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		MIỀN NAM	29/4	1 520	30/4	THÀNH AN 45	CẨM 8A	1 945		1 945		TD	
7		CROMIT THANH HOÁ	29/4	1 531	30/4	NB - 8881	CẨM 8A	1 035		1 035		TD	
8		COALIMEX	29/4	1 532	30/4	BN - 0988	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
9		COALIMEX	29/4	1 535	30/4	BN - 2023	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	
10		COALIMEX	30/4	1 542	30/4	BN - 2128	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	
11		XD CN MỎ	30/4	1 544	30/4	BN - 2228	CẨM 8A	1 050		1 050		TD	
12		COALIMEX	30/4	1 675	30/4	BN - 2646	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
13		CP DVVT QNINH	06/5	227	21/5	BN - 1936	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
14		CP ĐTTM&DV	07/5	259	22/5	BN - 1835	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
15		CP VT THUỶ	07/5	260	22/5	BN - 1296	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
16		CP HÀNG HẢI VN	08/5	335	23/5	BN - 2006	CẨM 8A	1 048		1 048		TD	
17		HẢI PHÒNG	08/5	344	23/5	HD - 7688	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	
18		CP VT&KD THAN	08/5	356	23/5	BN - 2005	CẨM 8A	1 150		1 150		TD	
19		CP HÀNG HẢI VN	09/5	382	24/5	BN - 1818	CẨM 8A	1 982		1 982		TD	
20		CP ĐTTM&DV	10/5	414	24/5	BN - 1996	CẨM 8A	2 096		2 096		TD	
21		CP ĐTTM&DV	10/5	430	24/5	BN - 0739	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 05 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

